



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



---

Tháng 3 năm 2025

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TÔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 25

VI  
ÔN  
T  
KIỂM  
ƯC  
XI



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Shunjiro Suga     | Chủ tịch HĐQT   |
| 2. Ông Daisuke Komoto    | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Doãn Trường Giang | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Vũ Tế Vị          | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Quang Dũng | Thành viên HĐQT |

##### Tổng Giám đốc

Ông Doãn Trường Giang                      Tổng Giám đốc

##### Ban Kiểm soát

- |                           |            |
|---------------------------|------------|
| 1. Bà Trần Thị Thu Hương  | Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Trục     | Thành viên |

##### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Doãn Trường Giang - Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**

Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

---

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng



**Đoàn Trường Giang**

**Tổng Giám đốc**

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 032512/2025/BCKT-iCPA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2023-072-01  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Nguyễn Huy Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2023-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>565.860.060.214</b>	<b>365.085.329.780</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>300.766.837.887</b>	<b>220.750.069.313</b>
1. Tiền	111		8.405.822.309	129.300.765.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		292.361.015.578	91.449.304.018
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>205.787.671.233</b>	<b>92.200.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	205.787.671.233	92.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.743.668.144</b>	<b>48.164.858.554</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72.716.076	41.007.182
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.325.660.500	1.475.753.921
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	49.540.375.239	46.607.040.800
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(236.140.322)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	41.056.651
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>4.069.008.217</b>	<b>3.720.614.088</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.069.008.217	3.720.614.088
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>492.874.733</b>	<b>249.787.825</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	464.742.805	249.787.825
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16a	28.131.928	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>153.892.502.431</b>	<b>156.022.416.458</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>105.029.447.288</b>	<b>104.903.539.448</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	75.600.000.000	75.600.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	29.429.447.288	29.303.539.448
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.330.056.304</b>	<b>20.992.221.851</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.402.839.024	16.922.872.352
- Nguyên giá	222		59.537.818.704	59.439.078.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.134.979.680)	(42.516.205.933)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.927.217.280	4.069.349.499
- Nguyên giá	228		5.791.480.000	5.201.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.864.262.720)	(1.132.130.501)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	19.800.000.000	19.800.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.732.998.839</b>	<b>10.326.655.159</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	13.732.998.839	10.326.655.159
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>719.752.562.645</b>	<b>521.107.746.238</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>212.325.288.552</b>	<b>110.831.731.671</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>197.939.161.146</b>	<b>82.892.348.665</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	44.295.423.503	23.736.590.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	70.280.984.956	194.178.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16b	33.975.728.722	30.628.064.623
4. Phải trả người lao động	314		21.544.782.720	16.940.801.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.558.077.575	6.276.946.461
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	18.202.235.510	4.931.744.438
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81.928.160	184.022.560
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.386.127.406</b>	<b>27.939.383.006</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	14.386.127.406	27.939.383.006
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>507.427.274.093</b>	<b>410.276.014.567</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>507.427.274.093</b>	<b>410.276.014.567</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.900.000.000	30.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		141.478.070.782	141.478.070.782
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		315.512.139.151	218.360.879.625
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		190.550.879.625	109.785.069.704
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		124.961.259.526	108.575.809.921
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>719.752.562.645</b>	<b>521.107.746.238</b>

  
Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

  
Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.567.100.288.943	1.465.631.579.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.235.728	10.763.648
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.567.088.053.215	1.465.620.815.664
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.282.073.993.973	1.200.382.032.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		285.014.059.242	265.238.782.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.664.477.599	12.529.242.593
7. Chi phí tài chính	22		31.198.376	211.287.671
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	211.287.671
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	113.257.178.402	120.122.097.062
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.301.880.172	20.987.592.224
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		155.088.279.891	136.447.048.364
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.502.571.563	2.042.947.954
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.940.227.686	2.860.038.434
13. Lợi nhuận khác	40		562.343.877	(817.090.480)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		155.650.623.768	135.629.957.884
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	30.689.364.242	27.054.147.963
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		124.961.259.526	108.575.809.921

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	155.650.623.768	135.629.957.884
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.702.735.002	7.412.301.033
Các khoản dự phòng	03	236.140.322	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.862.976.924)	(12.529.242.593)
Chi phí lãi vay	06	-	211.287.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	149.726.522.168	130.724.303.995
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.855.031.197)	(31.366.153.995)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(348.394.129)	(970.554.851)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	97.963.058.485	25.823.017.096
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.621.298.660)	(622.642.072)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(211.287.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.056.771.446)	(26.687.203.522)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(102.094.400)	(471.528.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	211.705.990.821	96.217.950.900
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.040.569.455)	(4.503.716.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	198.499.325	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(155.787.671.233)	(182.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.200.000.000	186.344.930.436
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.550.519.116	11.978.264.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(103.879.222.247)	11.019.478.436
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	24.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(24.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.810.000.000)	(46.350.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.810.000.000)	(46.350.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	80.016.768.574	60.887.429.336
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	220.750.069.313	159.862.639.977
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	300.766.837.887	220.750.069.313

  
Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

  
Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 12 năm 2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 30.900.000.000 đồng (Ba mươi tỷ chín trăm triệu đồng), tổng số cổ phần là 3.090.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Số 130 đường Lê Lợi, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Quảng cáo;
- Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất rượu vang;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
		%	%	%	
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99%	99%	99%	Sản xuất bia và nước giải khát

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 511 người (tại 31 tháng 12 năm 2023 là 489 người).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)***

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc thiết bị	07 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	311.735.611	645.768.867
Tiền gửi ngân hàng	8.094.086.698	128.654.996.428
Các khoản tương đương tiền (i)	292.361.015.578	91.449.304.018
<b>Cộng</b>	<b>300.766.837.887</b>	<b>220.750.069.313</b>

- (i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất tiền gửi từ 4,4%/năm đến 4,7%/năm.

**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	205.787.671.233	92.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>205.787.671.233</b>	<b>92.200.000.000</b>

- (i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4%/năm đến 4,95%/năm.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vũ Mạnh Tú	24.696.323	4.246
Nguyễn Thị Ngọc	14.400.000	-
Lê Tuấn Phong	1.185.778	11.517.986
Các khoản phải thu khách hàng khác	32.433.975	29.484.950
<b>Cộng</b>	<b>72.716.076</b>	<b>41.007.182</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CPĐT và xuất nhập khẩu PCCC Quảng Ninh	2.359.956.816	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và truyền thông Biển Xanh	731.291.800	258.557.600
Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ và môi trường	626.520.000	170.000.000
Chi nhánh Công ty CP Mediamart Việt Nam tại Quảng Ninh	371.099.998	-
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Đức Minh	332.345.022	-
Công ty TNHH Goldbell Equipment ( Việt Nam)	145.800.000	155.520.000
Trả trước cho người bán khác	758.646.864	891.676.321
<b>Cộng</b>	<b>5.325.660.500</b>	<b>1.475.753.921</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	44.739.747.744	43.305.653.345
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	44.529.747.744	43.100.244.765
- Các khoản khác	210.000.000	205.408.580
Tạm ứng	369.648.190	691.331.620
Dự thu lãi ngân hàng	3.503.702.355	1.389.743.872
Phải thu khác	927.276.950	1.220.311.963
<b>Cộng</b>	<b>49.540.375.239</b>	<b>46.607.040.800</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	29.303.539.448	29.303.539.448
Ký cược, ký quỹ	125.907.840	-
<b>Cộng</b>	<b>29.429.447.288</b>	<b>29.303.539.448</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)</i>	<b>29.315.607.486</b>	<b>29.495.937.135</b>

- (i) Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty, cụ thể:
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2023/2307948/HĐBĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 40.806.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 03 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị của tài sản cầm cố là 44.368.705.730 đồng.
  - Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/479127/HĐBĐ ngày 30 tháng 06 năm 2017, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/năm, kỳ hạn 03 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị của tài sản cầm cố là 161.042.014 đồng.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.002.823.668	-	869.019.651	-
Công cụ, dụng cụ	2.033.691.678	-	2.835.048.853	-
Hàng hóa	32.492.871	-	16.545.584	-
<b>Cộng</b>	<b>4.069.008.217</b>	<b>-</b>	<b>3.720.614.088</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước khác	464.742.805	249.787.825
<b>Cộng</b>	<b>464.742.805</b>	<b>249.787.825</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.905.353.785	9.657.394.376
Chi phí trả trước khác	827.645.054	669.260.783
<b>Cộng</b>	<b>13.732.998.839</b>	<b>10.326.655.159</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (i)	75.600.000.000	75.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>75.600.000.000</b>	<b>75.600.000.000</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)</i>	<b>75.600.000.000</b>	<b>75.600.000.000</b>

(i) Gồm các Hợp đồng cho vay trong năm 2020 và năm 2021 với Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai, thời gian cho vay là 10 năm, với lãi suất 0%/năm, mục đích cho vay để đầu tư nâng cấp, hoàn thiện nhà máy sản xuất Bia.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	5.201.480.000	5.201.480.000
Mua trong năm	590.000.000	590.000.000
Số dư cuối năm	<b>5.791.480.000</b>	<b>5.791.480.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	1.132.130.501	1.132.130.501
Khấu hao trong năm	1.732.132.219	1.732.132.219
Số dư cuối năm	<b>2.864.262.720</b>	<b>2.864.262.720</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	<b>4.069.349.499</b>	<b>4.069.349.499</b>
Tại ngày cuối năm	<b>2.927.217.280</b>	<b>2.927.217.280</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	5.428.783.748	2.397.000.560	51.259.947.529	353.346.448	59.439.078.285
Mua trong năm	-	157.800.000	1.292.769.455	-	1.450.569.455
Thanh lý	-	(321.039.847)	(1.021.699.189)	(9.090.000)	(1.351.829.036)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.428.783.748</b>	<b>2.233.760.713</b>	<b>51.531.017.795</b>	<b>344.256.448</b>	<b>59.537.818.704</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	2.822.427.983	1.634.755.814	37.732.903.481	326.118.655	42.516.205.933
Khấu hao trong năm	881.192.616	184.535.457	4.882.508.035	22.366.675	5.970.602.783
Thanh lý	-	(321.039.847)	(1.021.699.189)	(9.090.000)	(1.351.829.036)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.703.620.599</b>	<b>1.498.251.424</b>	<b>41.593.712.327</b>	<b>339.395.330</b>	<b>47.134.979.680</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	2.606.355.765	762.244.746	13.527.044.048	27.227.793	16.922.872.352
Tại ngày cuối năm	1.725.163.149	735.509.289	9.937.305.468	4.861.118	12.402.839.024

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.484.232.403 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.577.605.075 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**

Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**Mẫu số B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai (i)	19.800.000.000	19.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thường cho các đại lý	6.192.471.788	6.238.459.805
Các khoản trích trước khác	3.365.605.787	38.486.656
<b>Cộng</b>	<b>9.558.077.575</b>	<b>6.276.946.461</b>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	78.379.820	98.774.120
Bảo hiểm xã hội	18.175.142	52.945.762
Bảo hiểm y tế	-	2.509.830
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.675.552.945	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.430.127.603	4.777.514.726
<b>Cộng</b>	<b>18.202.235.510</b>	<b>4.931.744.438</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.386.127.406	27.939.383.006
<b>Cộng</b>	<b>14.386.127.406</b>	<b>27.939.383.006</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đồng Mai	39.778.604.737	39.778.604.737	16.086.108.774	16.086.108.774
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ quảng cáo Thành An	540.310.442	540.310.442	1.655.439.949	1.655.439.949
Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và in Phú Sỹ	802.333.188	802.333.188	-	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh	321.310.000	321.310.000	778.696.000	778.696.000
Phải trả nhà cung cấp khác	2.852.865.136	2.852.865.136	5.216.345.637	5.216.345.637
<b>Cộng</b>	<b>44.295.423.503</b>	<b>44.295.423.503</b>	<b>23.736.590.360</b>	<b>23.736.590.360</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)</i>	<b>39.778.604.737</b>	<b>39.778.604.737</b>	<b>16.086.108.774</b>	<b>16.086.108.774</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phạm Thị Nhung	9.917.375.000	9.917.375.000	8.750.067	8.750.067
Ngô Thị Hường	8.874.850.001	8.874.850.001	-	-
Vũ Ngọc Thắng	7.149.624.167	7.149.624.167	1.297.848	1.297.848
Công ty Cổ phần thương mại & dịch vụ Phúc Thành Đạt	7.092.625.003	7.092.625.003	-	-
Công ty TNHH Anh Kiệt	6.546.875.192	6.546.875.192	-	-
Nguyễn Thị Yến	5.698.400.000	5.698.400.000	27	27
Công ty TNHH TYTB	5.187.000.858	5.187.000.858	-	-
Vũ Minh Chung	5.076.000.000	5.076.000.000	-	-
Các đối tượng khác	14.738.234.735	14.738.234.735	184.130.794	184.130.794
<b>Cộng</b>	<b>70.280.984.956</b>	<b>70.280.984.956</b>	<b>194.178.736</b>	<b>194.178.736</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**

Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp, bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.522.443.966	3.550.575.894	28.131.928
<b>Cộng</b>	-	<b>3.522.443.966</b>	<b>3.550.575.894</b>	<b>28.131.928</b>

**b) Các khoản phải trả**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp, bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.428.899.064	156.833.576.189	157.143.201.913	3.119.273.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.054.147.963	30.689.364.242	27.056.771.446	30.686.740.759
Thuế thu nhập cá nhân	145.017.596	1.377.375.596	1.359.386.265	163.006.927
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.777.721.067	1.777.721.067	-
Các loại thuế khác	-	186.949.527	180.241.831	6.707.696
<b>Cộng</b>	<b>30.628.064.623</b>	<b>190.864.986.621</b>	<b>187.517.322.522</b>	<b>33.975.728.722</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.900.000.000</b>	<b>19.537.064.160</b>	<b>141.478.070.782</b>	<b>156.135.069.704</b>	<b>348.050.204.646</b>
Lãi trong năm	-	-	-	108.575.809.921	108.575.809.921
Chia cổ tức	-	-	-	(46.350.000.000)	(46.350.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.900.000.000</b>	<b>19.537.064.160</b>	<b>141.478.070.782</b>	<b>218.360.879.625</b>	<b>410.276.014.567</b>
Lãi trong năm	-	-	-	124.961.259.526	124.961.259.526
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(27.810.000.000)	(27.810.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.900.000.000</b>	<b>19.537.064.160</b>	<b>141.478.070.782</b>	<b>315.512.139.151</b>	<b>507.427.274.093</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 408/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Trong đó, chia cổ tức cho cổ đông là 90 % vốn điều lệ tương ứng với số tiền 27.810.000.000 đồng.

**b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.090.000</b>	<b>3.090.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	3.090.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.090.000</b>	<b>3.090.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	3.090.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bia và nước giải khát và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.567.100.288.943</b>	<b>1.465.631.579.312</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán bia	1.450.188.643.098	1.331.748.037.850
- Doanh thu vận chuyển bia	116.911.645.845	133.883.541.462
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>12.235.728</b>	<b>10.763.648</b>
- Hàng bán bị trả lại	12.235.728	10.763.648
<b>Cộng</b>	<b>1.567.088.053.215</b>	<b>1.465.620.815.664</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán bia	1.214.782.050.809	1.141.211.708.370
Giá vốn vận chuyển bia	67.291.943.164	59.170.324.566
<b>Cộng</b>	<b>1.282.073.993.973</b>	<b>1.200.382.032.936</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	9.704.477.599	10.549.242.593
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.960.000.000	1.980.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.664.477.599</b>	<b>12.529.242.593</b>

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	54.998.853.411	40.817.828.627
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	5.766.013.990	8.570.437.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.611.165.048	637.795.050
Thuế, phí và lệ phí	186.747.929	144.309.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.797.550.187	49.043.028.810
Chi phí khác bằng tiền	19.896.847.837	20.908.697.889
<b>Cộng</b>	<b>113.257.178.402</b>	<b>120.122.097.062</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.558.622.972	9.373.048.348
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	343.400.826	68.008.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.222.220.124	1.094.057.268
Thuế, phí và lệ phí	1.853.380.985	1.780.721.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.900.152.581	3.249.723.394
Chi phí bằng tiền khác	4.187.962.362	5.422.033.472
Chi phí dự phòng	236.140.322	-
<b>Cộng</b>	<b>30.301.880.172</b>	<b>20.987.592.224</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu bồi hoàn tiền đặt cọc vỡ chai	875.505.454	263.439.179
Thanh lý tài sản cố định	198.499.325	-
Thanh lý thiết bị bán hàng	305.281.325	419.464.825
Thu nhập khác	2.123.285.459	1.360.043.950
<b>Cộng</b>	<b>3.502.571.563</b>	<b>2.042.947.954</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	467.053.360	1.247.801.929
Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp	29.409.849	22.780.304
Các khoản khác	2.443.764.477	1.589.456.201
<b>Cộng</b>	<b>2.940.227.686</b>	<b>2.860.038.434</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	155.650.623.768	135.629.957.884
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.216.919.972)	(359.218.071)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.743.080.028	1.620.781.929
- Chi phí không hợp lý khi tính thuế	1.743.080.028	1.620.781.929
Các khoản điều chỉnh giảm	3.960.000.000	1.980.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	3.960.000.000	1.980.000.000
Thu nhập chịu thuế	153.433.703.796	135.270.739.813
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.686.740.759	27.054.147.963
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	30.686.740.759	27.054.147.963
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	30.686.740.759	27.054.147.963
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.623.483	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>30.689.364.242</u>	<u>27.054.147.963</u>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.350.427.847	23.512.012.979
Chi phí nhân công	113.948.131.179	86.033.974.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.702.735.002	7.412.301.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.864.294.539	68.777.063.381
Chi phí khác bằng tiền	27.749.272.849	14.544.662.408
Chi phí dự phòng	236.140.322	-
Cộng	<u>210.851.001.738</u>	<u>200.280.013.852</u>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất tại số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long và tại Xóm Đồi khu Tân Mai, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên để sử dụng với mục đích làm văn phòng và nhà máy sản xuất bia. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**2. NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê của các hợp đồng thuê đất. Hiện tại Công ty chưa thể ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa có hướng dẫn cụ thể và ước tính một cách đáng tin cậy. Do đó Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan*

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai  
Các thành viên trong HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Tham gia điều hành

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>	<b>1.215.172.011.772</b>	<b>1.141.651.662.089</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.215.172.011.772	1.141.651.662.089
<b>Cổ tức nhận được trong năm</b>	<b>3.960.000.000</b>	<b>1.980.000.000</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	3.960.000.000	1.980.000.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>29.315.607.486</b>	<b>29.495.937.135</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	29.303.539.448	29.303.539.448
Ông Vũ Tế Vị	-	22.750.000
Ông Doãn Trường Giang	12.068.038	169.647.687
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>39.778.604.737</b>	<b>16.086.108.774</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	39.778.604.737	16.086.108.774
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>75.600.000.000</b>	<b>75.600.000.000</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	75.600.000.000	75.600.000.000

*Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
1. Ông Doãn Văn Quang	-	596.443.077
2. Ông Shunjiro Suga	1.275.046.154	546.936.154
3. Ông Vũ Tế Vị	60.000.000	66.000.000
4. Ông Nguyễn Quang Dũng	1.666.674.359	21.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
1. Ông Doãn Trường Giang	1.880.462.321	1.678.657.944
<b>Ban kiểm soát</b>		
1. Bà Trần Thị Thu Hương	15.400.000	17.600.000
2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan	246.077.674	198.001.468
3. Ông Phạm Minh Hưng	-	305.357.960
4. Bà Nguyễn Thị Trục	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.155.660.508</b>	<b>3.441.996.603</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
Số 130 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**Mẫu số B 09-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

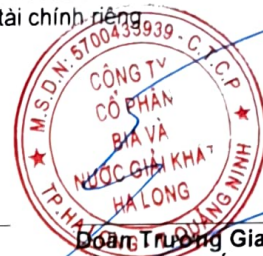
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.



Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu



Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Văn phòng CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex  
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung  
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

✉ [contact@icpa.vn](mailto:contact@icpa.vn)

**HEAD Office**

15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex  
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward  
Thanh Xuan District, Ha Noi City

☎ (+84 24) 6664 2777

✉ [contact@icpa.vn](mailto:contact@icpa.vn)

**Chi nhánh SÀI GÒN**

Tầng 5, Tòa nhà Hải Âu TIC  
39B Trường Sơn, Phường 4  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

✉ [saigon@icpa.vn](mailto:saigon@icpa.vn)

**SAI GON Branch**

5<sup>th</sup> Floor, Hai Au TIC Building  
39B Truong Son, Ward 4  
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

✉ [saigon@icpa.vn](mailto:saigon@icpa.vn)

**Chi nhánh MIỀN TRUNG**

Tầng 2, Số NP2-14  
Đại lộ Nguyễn Hoàng, Phường Đông Hải  
TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

✉ [mientrung@icpa.vn](mailto:mientrung@icpa.vn)

**CENTRAL Branch**

02<sup>nd</sup> Floor, No NP2-14  
Nguyen Hoang Street, Dong Hai Ward  
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

✉ [mientrung@icpa.vn](mailto:mientrung@icpa.vn)

**Chi nhánh THÀNH CÔNG**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt.  
Số 8 Đường VI Lê Nin, Phường Hà Huy Tập.  
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

✉ [thanhcong@icpa.vn](mailto:thanhcong@icpa.vn)

**THANH CONG Branch**

02<sup>nd</sup> Floor, Nha Viet Building  
8 VI Le Nin Street, Ha Huy Tap Ward  
Vinh City, Nghe An Province

☎ (+84 238) 268 2888

✉ [thanhcong@icpa.vn](mailto:thanhcong@icpa.vn)

[www.icpa.vn](http://www.icpa.vn)